

Thị trường TPDN trầm lắng trong tháng đầu năm

- Hoạt động phát hành TPDN trong T1 chứng lại rõ rệt với tổng giá trị đạt 3.7 nghìn tỷ đồng (-96.7% so với T12, -33.2% svck), phản ánh yếu tố mùa vụ.
- Cùng chung xu hướng này, hoạt động mua lại trước hạn chậm chạp với giá trị khoảng 1.4 nghìn tỷ đồng (-96.6% so với T12, -89.4% svck).
- Lợi suất TPCP kỳ hạn 10N tăng lên mức cao nhất kể từ T3/23 tại 4.06%/năm trong bối cảnh nhu cầu về TPCP gia tăng.

Trái phiếu Doanh nghiệp

Ngân hàng chiếm 60% quy mô phát hành tháng 1

Trong tháng 1, thị trường TPDN ghi nhận sự thu hẹp đáng kể về quy mô phát hành khi tổng giá trị huy động chỉ đạt hơn 3.7 nghìn tỷ đồng, giảm mạnh 96.7% so với tháng trước và giảm 33.2% so với cùng kỳ. Sự sụt giảm này phần nào phản ánh yếu tố mùa vụ của thị trường, khi hoạt động phát hành thường chứng lại trong những tháng đầu năm. Đáng chú ý, cơ cấu phát hành trong tháng nghiêng hẳn về kênh phát hành ra công chúng, với tỷ trọng chiếm tới 94.9% tổng giá trị phát hành.

Xét theo nhóm ngành, Ngân hàng là nhóm dẫn đầu khi đóng góp 60% tổng khối lượng phát hành trong tháng 1. Toàn bộ giá trị này đến từ đợt phát hành của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với quy mô 2.2 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 8 năm và lãi suất 6.45%/năm. Ngoài ra, một số doanh nghiệp ngoài ngành ngân hàng cũng tích cực huy động vốn qua kênh trái phiếu như: CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam phát hành thành công lô trái phiếu trị giá 1 nghìn tỷ đồng, CTCP Kinh doanh F88 huy động được 300 tỷ đồng.

Lãi suất bình quân gia quyền toàn thị trường trong tháng 1 đạt khoảng 8.1%, đi ngang so với bình quân tháng trước. Riêng nhóm Bất động sản ghi nhận mức lãi suất bình quân đạt 13.5%, mức cao nhất trong 22 tháng qua, đến từ đợt phát hành riêng lẻ duy nhất trong tháng của CTCP Tập Đoàn Khải Hoàn Land, với giá trị 190 tỷ đồng, kỳ hạn 5 năm.

Hoạt động mua lại TPDN trước hạn trong T1 đạt mức thấp nhất trong nhiều năm

Cùng chung xu hướng trầm lắng của hoạt động phát hành mới, hoạt động mua lại trái phiếu doanh nghiệp trước hạn trong tháng 1 cũng ghi nhận sự sụt giảm mạnh về quy mô. Giá trị TPDN mua lại trước hạn đạt khoảng 1.4 nghìn tỷ đồng, giảm 96.6% so với tháng trước và giảm 89.4% so với cùng kỳ. Đây là mức mua lại theo tháng thấp nhất được ghi nhận trong những năm gần đây.

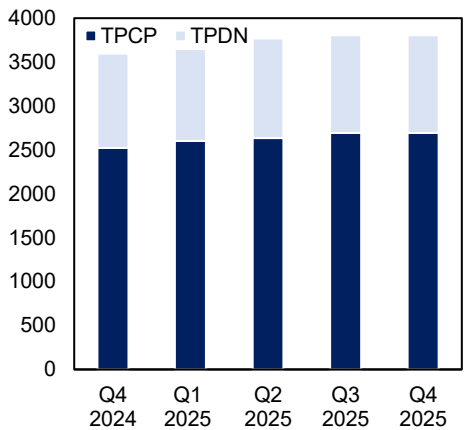
Trong đó, nhóm Xây dựng bất ngờ vươn lên dẫn đầu khi chiếm 55.8% tổng giá trị mua lại, tương ứng 808 tỷ đồng, trong khi nhóm Năng lượng ghi nhận mức mua lại khoảng 326.4 tỷ đồng, chiếm 22.5%, chủ yếu liên quan đến các trái phiếu của Trung Nam.

Tháng 1 ghi nhận 6 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi

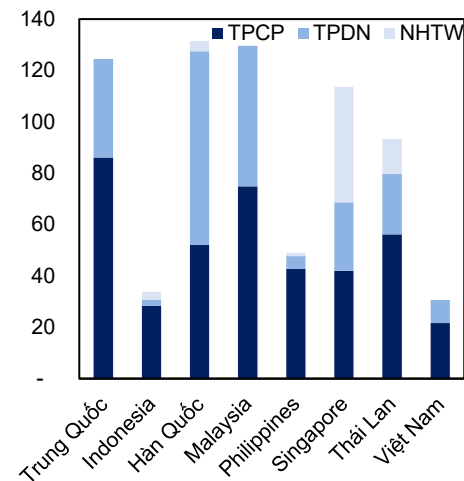
Về tình hình chậm trả, tháng 1 ghi nhận 6 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi với giá trị chậm trả khoảng 3.1 tỷ đồng. Trong đó có 1 mã trái phiếu công bố chậm trả lần đầu, là lô trái phiếu chuyển đổi quốc tế của Novaland.

Lũy kế đến hết tháng 1, tổng giá trị trái phiếu đang chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán ước đạt khoảng 15.7 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 1.1% dư nợ TPDN toàn thị trường, trong đó nhóm Bất động sản chiếm tỷ trọng cao nhất với gần 70%.

Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam theo quý (Nghìn tỷ đồng)



Quy mô thị trường trái phiếu các nước trong khu vực (% GDP Q4 2025)

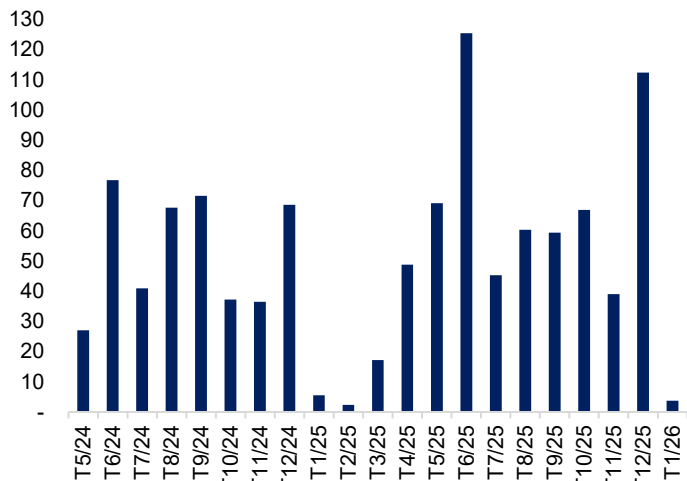


Chuyên viên phân tích

Vũ Lê Giang

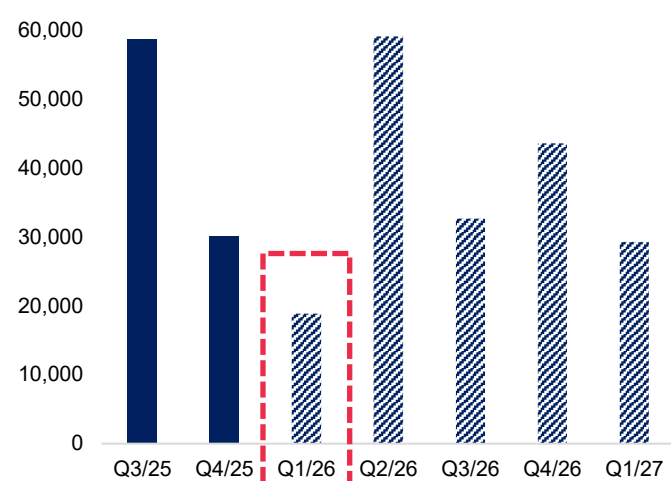
Giang.VuLe@mbs.com.vn

Hình 1: Giá trị TPDN phát hành thành công theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 15/2)



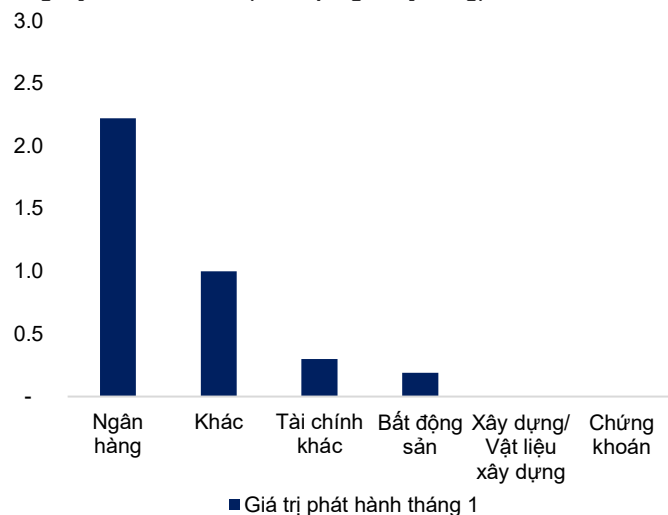
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 2: Ước tính khối lượng TPDN đáo hạn theo quý (Đơn vị: Tỷ đồng)



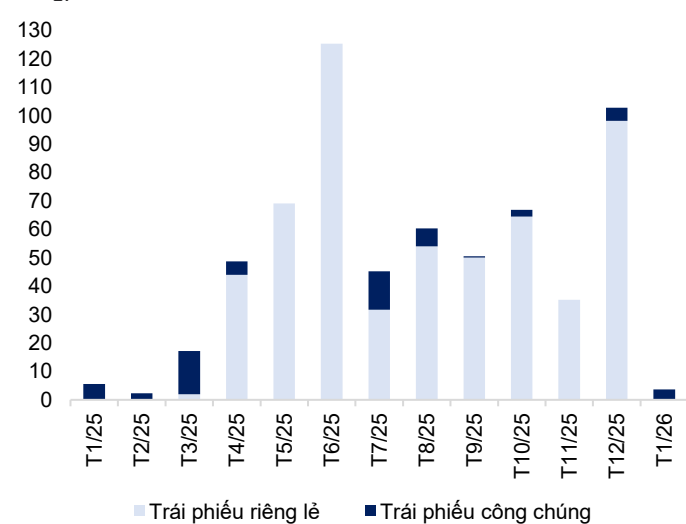
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Giá trị TPDN phát hành thành công của các nhóm ngành trong lũy kế từ đầu năm (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



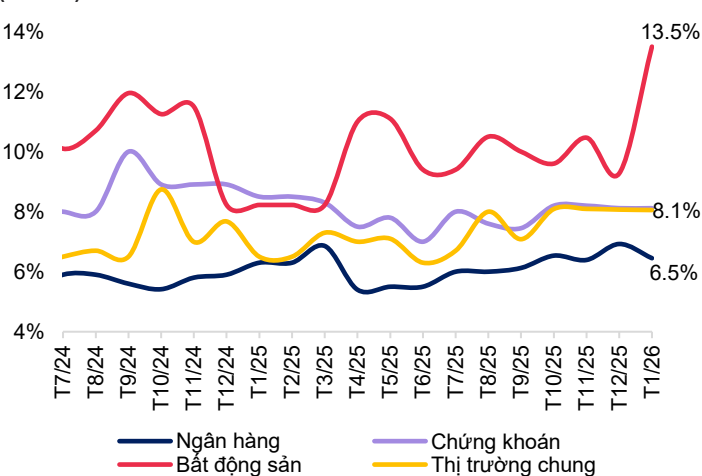
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 4: Cơ cấu phát hành TPDN theo hình thức (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



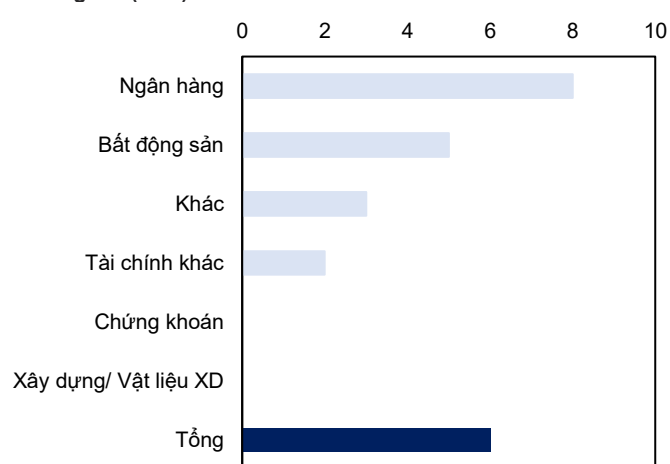
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 5: Lãi suất bình quân tháng của TPDN theo nhóm ngành (%/năm)



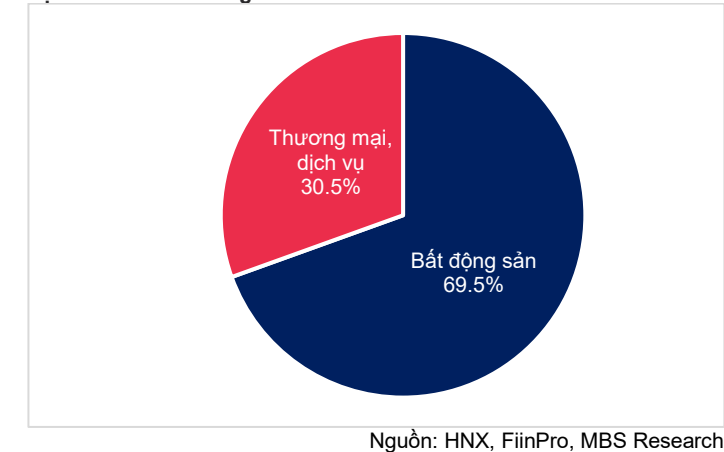
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 6: Kỳ hạn trung bình TPDN phát hành trong năm 2026 theo nhóm ngành (năm)

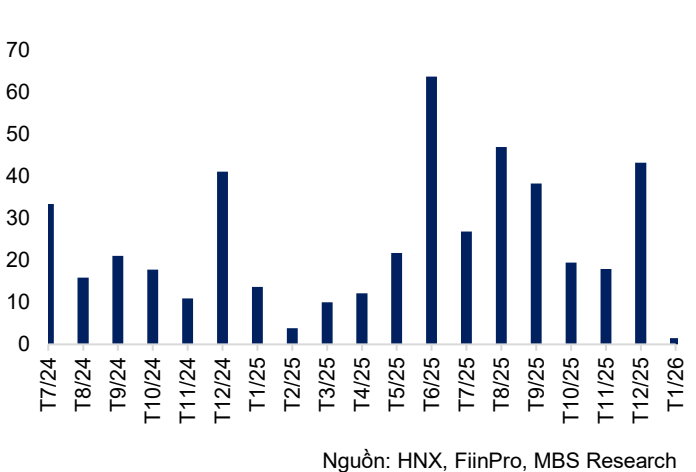


Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 7: Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 15.7 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu TPDN chậm nghĩa vụ thanh toán theo ngành



Hình 8: Giá trị mua lại TPDN trước hạn theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng) (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 15/2)



Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

KBNN phát hành thành công 26,046 tỷ đồng TPCP trong kỳ với lợi suất trúng thầu tăng ở tất cả các kỳ hạn

Trong tháng 1, KBNN tổ chức 18 đợt đấu thầu trái phiếu chính phủ với tổng giá trị gọi thầu đạt 61 nghìn tỷ đồng. Kết quả, có 26 nghìn tỷ đồng được huy động thành công, tương ứng tỷ lệ trúng thầu đạt 42.7% - giảm 35.1 điểm phần trăm so với tháng trước. Theo đó, khối lượng phát hành hoàn thành 23.7% kế hoạch Q1 và 5.2% kế hoạch năm 2026. Kỳ hạn 10 năm tiếp tục nắm giữ vai trò chủ đạo khi chiếm gần 95% khối lượng phát hành trong tháng, tương đương 24.7 nghìn tỷ đồng. Theo thông báo ngày 30/1, KBNN dự kiến gọi thầu 45 nghìn tỷ đồng TPCP trong tháng 2.

Trong bối cảnh nhu cầu vốn cho đầu tư công tiếp tục tăng, lợi suất trái phiếu tại tất cả các kỳ hạn được điều chỉnh tăng từ 2 - 10 điểm cơ bản, nhằm thu hút dòng tiền. Cụ thể, lợi suất kỳ hạn 5N tăng 10 điểm cơ bản lên 3.3%, trong khi lợi suất kỳ hạn 10N tăng 4 điểm cơ bản so với phiên cuối tháng trước, lên mức 4.04%.

Hình 9: Kết quả phát hành TPCP từ đầu năm 2026 đến nay (Tỷ đồng)

Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN Q1	KBNN đã phát hành Q1	% Kế hoạch KBNN Q1
3 Năm	0	0	
5 Năm	17,000	500	3%
7 Năm	2,000	0	0%
10 Năm	65,000	24,696	38%
15 Năm	17,000	850	5%
20 Năm	3,000	0	0%
30 Năm	6,000	0	0%
Tổng	110,000	26,046	23.7%

Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/01/2026

Nguồn: KBNN, HNX, MBS Research

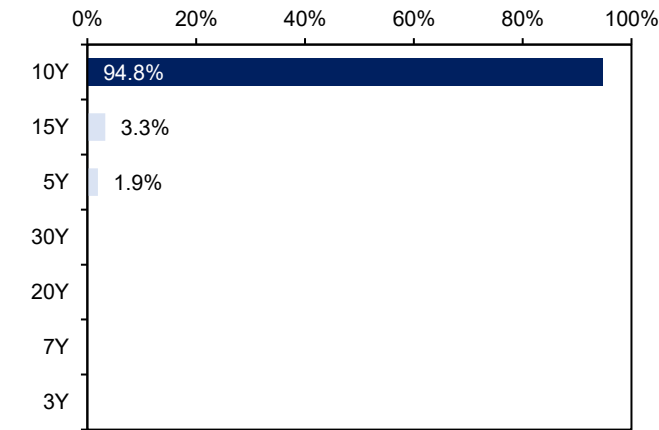
Hình 10: Kết quả đấu thầu TPCP KBNN T1/2026 (%)

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
3Y				
5Y	4,000	500	13%	3.30%
7Y	500	0	0%	
10Y	50,000	24,696	49%	4.0% - 4.04%
15Y	4,000	850	21%	4.1% - 4.12%
20Y	500	0	0%	
30Y	2,000	0	0%	
Tổng	61,000	26,046	42.7%	Đơn vị: tỷ đồng

*Tính đến thời điểm 31/01/2026

Nguồn: HNX, MBS Research

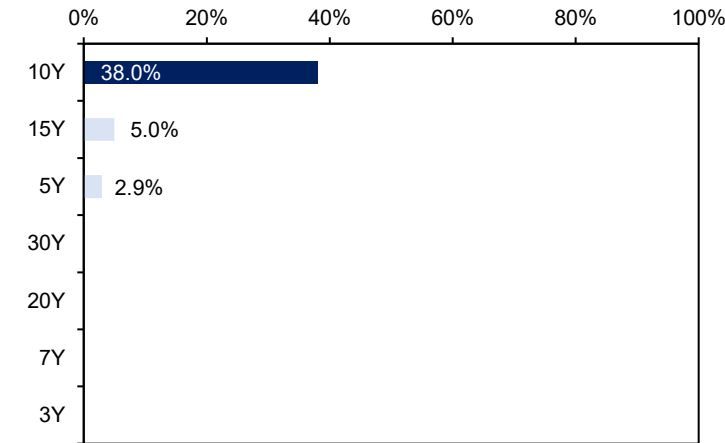
Hình 11: Tỷ trọng TPCP phát hành T1/2026



*Tính đến thời điểm 31/01/2026

Nguồn: HNX, MBS Research

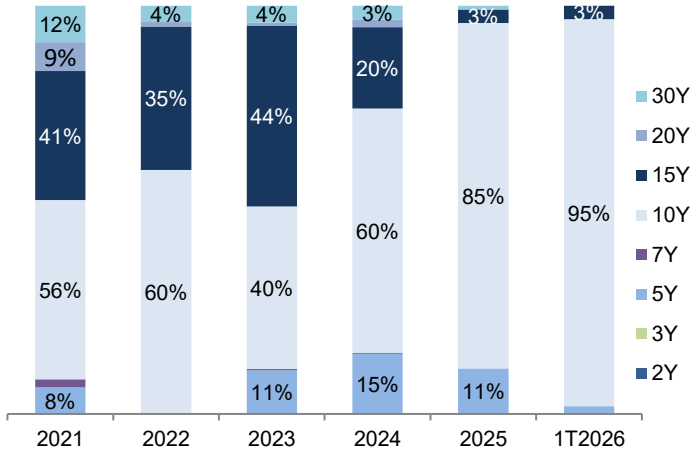
Hình 12: Tỷ trọng TPCP phát hành trong kỳ so với kế hoạch Q1 2026



*Tính đến thời điểm 31/01/2026

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 13: Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 14: Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 31/01/2026

Thị Trường	Đóng cửa	Tuần trước*	Tháng trước*	30/12/2025
Mỹ	4.27	4.61	16.1	16.1
EU	2.84	-6.64	-1.5	-1.5
Nhật Bản	2.25	-0.50	18.6	18.6
Trung Quốc	1.81	-1.84	-4.4	-4.4
Hàn Quốc	6.70	3.28	12.4	12.4
Ấn Độ	6.35	-5.05	26.9	26.9
Malaysia	3.56	-1.80	17.7	17.7
Singapore	3.50	-0.30	-1.8	-1.8
Indonesia	4.95	-0.22	16.3	16.3
Philippines	2.07	-4.51	-11.6	-11.6
Thái Lan	2.00	6.74	28.2	28.2
Việt Nam	4.06	0.30	2.1	2.1

* Số điểm cơ bản thay đổi so với thời điểm chốt dữ liệu

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

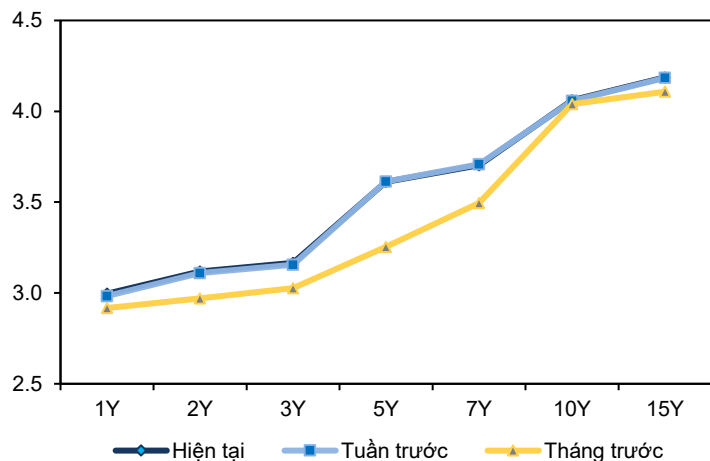
Thị trường thứ cấp

Lợi suất TPCP duy trì xu hướng tăng trong tháng tại tất cả các kỳ hạn. Tổng giá trị giao dịch bình quân trên thị trường TPCP thứ cấp tăng 31.4% so với tháng trước. NĐTNN bán ròng gần 2 nghìn tỷ đồng TPCP trong tháng 1.

Lợi suất kỳ hạn 10N tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong suốt T1. Đến cuối tháng, lợi suất kỳ hạn 10N neo ở mức 4.06%/năm (+2 điểm cơ bản so với cuối tháng trước), mức cao nhất kể từ T3/23. Trong khi đó, lợi suất kỳ hạn 2N đến cuối T12 cũng tăng 15 điểm cơ bản so với cuối tháng trước, lên mức 3.12%/năm.

Thanh khoản trên thị trường TPCP thứ cấp cải thiện rõ rệt với giá trị giao dịch bình quân ngày đạt 17 nghìn tỷ đồng, tăng 31.4% so với tháng trước. Trong đó, giao dịch Outright chiếm 80% khối lượng trong kỳ, tương đương 272.7 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch gần 13.6 nghìn tỷ đồng/ngày, tăng 27.4% so với bình quân tháng trước. Giá trị giao dịch Repos bình quân tăng 50.3% so với tháng trước, với giá trị giao dịch ghi nhận 3.4 nghìn tỷ đồng/ngày. Trong tháng 1, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng gần 2 nghìn tỷ đồng.

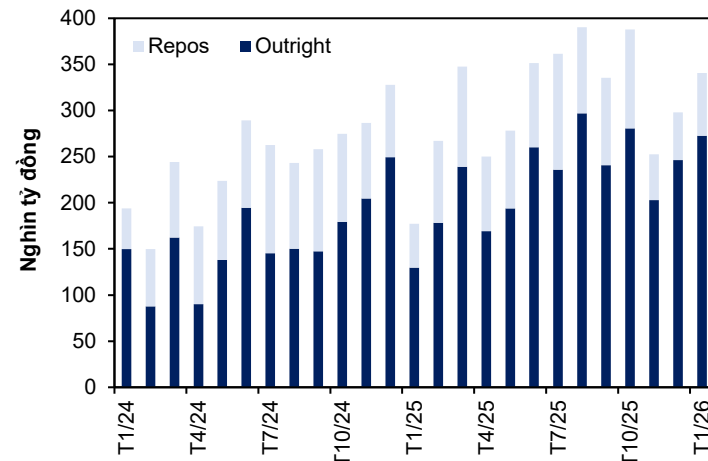
Hình 15: Lợi suất TPCP (%)



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/01

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

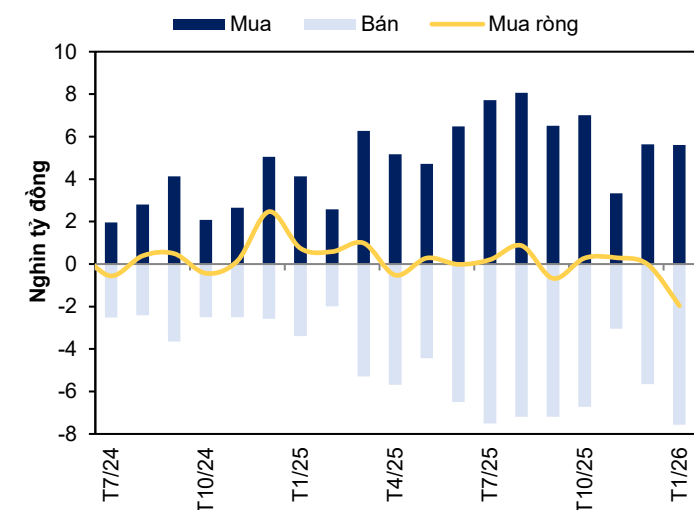
Hình 16: GTGD Outright và Repos trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/01

Nguồn: HNX, MBS Research

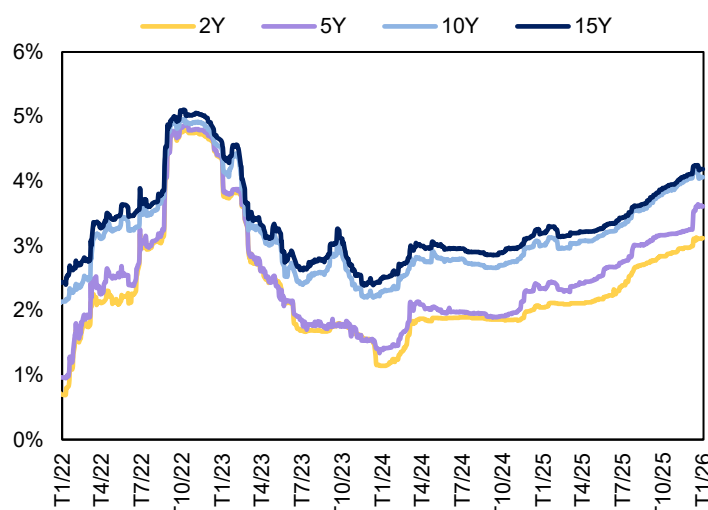
Hình 17: Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/01

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 18: Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/01

Nguồn: HNX, MBS Research

Phụ lục

Hình 19: Các doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN lớn nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	2 - 3	52,750	5.0% - 7.2%
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2 - 5	38,465	5.2% - 7.6%
Ngân hàng TMCP Phương Đông	2 - 3	37,200	5.1% - 6.9%
Ngân hàng TMCP Á Châu	2 - 5	36,850	4.95% - 7.0%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2 - 20	34,403	5.68% - 6.68%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	2 - 5	33,171	5.5% - 12.5%
Ngân hàng TMCP Quân Đội	3 - 10	32,174	5.0% - 7.28%
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2 - 15	27,470	5.2% - 6.68%
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	2 - 8	22,998	5.5% - 7.9%
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	2 - 8	21,200	5.6% - 7.5%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 20: Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất cao nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
CTCP Tập Đoàn Khải Hoàn Land	5	160	13.5%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	2 - 3.2	33,171	5.5% - 12.5%
CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	2	10,000	12.5%
CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	3	7,500	12.0% - 12.5%
CTCP Vinhomes	3 - 3.5	19,500	11% - 12%
Công ty Cổ phần nước Aqua One	3	600	12.0%
Công ty TNHH Công Nghiệp - Bất Động Sản và Xây dựng Song Phương	5	389	12.0%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sài Gòn Xanh	5	192	12.0%
CTCP Tập đoàn đầu tư Tây Bắc	3	120	11.5%
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Phát Đạt	2.5	5,400	11.0%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 21: Danh sách trái phiếu hoàn thành đợt phát hành trong tháng 12/2025 và tháng 1/2026

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	12/2025	300	7.6%	84
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	12/2025	47	7.98%	120
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	12/2025	1,000	6.5%	36
	CTCP May - Diêm Sài Gòn	12/2025	1,000	9.0%	108
KHG	CTCP Tập Đoàn Khải Hoàn Land	12/2025	80	13.5%	60
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	12/2025	2,000	6.5%	36
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	120	6.8%	60
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	12/2025	500	6.4%	60
	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tam Trinh	12/2025	1,100	9.2%	72
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	12/2025	3,000	6.9%	36
	Công ty cổ phần dịch vụ cáp treo Bà Nà	12/2025	190	10.5%	60
ORS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	12/2025	328	8.25%	12
	Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Bình Thuận	12/2025	260	5.85%	84
BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	12/2025	900	10.3%	36
APG	Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	12/2025	300	8.0%	24
	Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital	12/2025	280	9.5%	24
SHS	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	12/2025	220	8.2%	12

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
MNB	Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	12/2025	180	5.0%	24
	CTCP May - Diêm Sài Gòn	12/2025	620	9.0%	108
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	12/2025	2,000	6.5%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	12/2025	1,000	6.4%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	12/2025	16	8.18%	120
KLB	Ngân hàng TMCP Kiên Long	12/2025	1,000	7.3%	84
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	12/2025	3,000	6.5%	36
	CTCP Năng lượng Tái tạo Trung Nam	12/2025	640	10.18%	60
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12/2025	142	6.13%	84
	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang	12/2025	500	9.0%	84
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	12/2025	600	7.6%	72
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	12/2025	2,600	7.6%	72
VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	12/2025	92	7.7%	84
VND	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	12/2025	999	8.0%	24
VND	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	12/2025	999	8.3%	36
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	500	7.37%	84
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	300	7.47%	96
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	12/2025	50	7.03%	84
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	12/2025	1,000	10.0%	60
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	12/2025	600	7.28%	84
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	12/2025	2,000	7.5%	36
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	600	7.47%	84
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	12/2025	1,000	6.9%	24
	CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	12/2025	2,000	12.5%	24
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	12/2025	8,171	5.5%	60
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	12/2025	100	7.03%	84
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	12/2025	1,000	10.0%	60
VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	12/2025	2,000	5.8%	24
BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	12/2025	440	10.3%	60
	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang	12/2025	500	9.0%	108
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	1,050	7.0%	60
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	80	6.40%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	12/2025	300	7.68%	120
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	12/2025	500	7.0%	120
	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ quốc tế Thiso	12/2025	2,200	8.0%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12/2025	203	6.67%	96
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	12/2025	1,500	8.18%	120
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	1,257	5.59%	36
	CTCP Tecomen Holding	12/2025	300	6.0%	60
	CTCP In và Bao bì Goldsun	12/2025	800	10.8%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12/2025	200	6.68%	180
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12/2025	800	6.68%	180
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	12/2025	500	7.2%	36
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	12/2025	2,000	7.6%	24
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	12/2025	2,000	7.5%	24
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	12/2025	1,000	7.5%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12/2025	4,000	6.5%	24
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	12/2025	5,000	5.8%	24
VCP	Công ty cổ phần xây dựng và năng lượng VCP	12/2025	500	10.0%	36
TCX	CTCP chứng khoán Kỹ thương	12/2025	500	8.0%	15

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	2,000	7.5%	24
HDC	Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	12/2025	500	10.0%	24
	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	12/2025	150	8.2%	84
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Phát Đạt	12/2025	5,400	11.0%	30
VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	12/2025	150	11.0%	36
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	12/2025	1,000	10.0%	60
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	12/2025	400	7.0%	60
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	12/2025	430	6.7%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12/2025	4,000	6.5%	24
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	12/2025	1,000	7.5%	36
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	12/2025	1,000	10.0%	60
	CTCP Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	12/2025	1,500	9.75%	36
	CTCP Tập Đoàn Trường Hải	12/2025	2,000	8.5%	60
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	280	10.0%	60
BSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	12/2025	300	8.2%	12
VBB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	12/2025	1,500	8.2%	84
	Công ty TNHH Mặt Trời Hòa Bình	12/2025	3,500	11.0%	48
VBB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	12/2025	1,000	7.4%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	12/2025	500	6.4%	84
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	12/2025	600	8.2%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	12/2025	150	7.03%	84
IPA	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	12/2025	608	9.5%	60
	Công ty Cổ phần VinaLiving Holdings	12/2025	70	11.0%	24
	Công ty Cổ phần VinaLiving Holdings	12/2025	120	10.5%	24
NAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	12/2025	1,000	8.0%	84
VHM	CTCP Vinhomes	12/2025	500	12.0%	36
TCX	CTCP chứng khoán Kỹ thương	12/2025	1,000	8.0%	29
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	100	7.9%	84
SGR	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	12/2025	500	10.7%	36
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	12/2025	2,500	8.2%	84
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	12/2025	600	10.0%	84
	Công ty Cổ phần nước Aqua One	12/2025	300	12.0%	36
PSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	12/2025	20	8.5%	12
TCX	CTCP chứng khoán Kỹ thương	12/2025	500	8.0%	15
	Công ty cổ phần dịch vụ cáp treo Bà Nà	12/2025	1,600	9.7%	55
BAF	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	01/2026	1,000	10.0%	36
KHG	CTCP Tập Đoàn Khải Hoàn Land	01/2026	190	13.5%	60
	CTCP Kinh doanh F88	01/2026	300	10.0%	24
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	01/2026	2,221.5	6.45%	96

Nguồn: HNX, MBS Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Vũ Lê Giang

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Phạm Thị Thanh Hương

Bất động sản - VLXD

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Phạm Thị Thanh Huyền

Logistics – Vật liệu cơ bản

Võ Đức Anh

Công nghiệp – Năng Lượng

Nguyễn Hà Đức Tùng

Mai Duy Anh

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly